

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 7 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ
CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 10, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Triệu Hoài Bắc	1	12	7.0	Bảy	
2	Lê Thị Bảy	2	05	6.5	Sáu rưỡi	
3	Ngô Hải Biên	3	56	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Thị Bưởi	4	03	7.0	Bảy	
5	Lê Văn Cương	5	51	7.0	Bảy	
6	Bùi Thị Dung	6	14	7.0	Bảy	
7	Trần Thị Dung	7	20	6.5	Sáu rưỡi	
8	Đào Việt Dũng	8	11	7.0	Bảy	
9	Dương Tiến Dũng	9	13	6.0	Sáu	
10	Lê Tiến Dũng	10	23	6.0	Sáu	
11	Lê Đắc Đạt	11	24	8.0	Sáu	
12	Nguyễn Thị Diệp (A-1985)	12	25	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Thị Diệp (B-1978)	13	63	7.0	Bảy	
14	Hà Văn Đồng	14	34	7.0	Bảy	
15	Lê Thị Giang	15	50	7.0	Bảy	
16	Nguyễn Thị Hà	16	18	7.0	Bảy	
17	Dương Việt Hà	17	30	7.5	Bảy rưỡi	
18	Hoàng Thúy Hồng Hà	18	09	6.5	Sáu rưỡi	
19	Lê Xuân Hằng	19	65	7.5	Bảy rưỡi	
20	Nguyễn Thị Hằng	20	67	7.0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	21	27	7.0	Bảy	
22	Dương Thị Hoan	22	69	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Đặng Thị Hoàn	23	62	7.0	Bảy	
24	Bùi Thị Hồng	24	15	7.5	Bảy rưỡi	
25	Hà Thị Hồng	25	32	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Thị Thu Hồng	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
27	Nguyễn Quốc Hưng	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
28	Dương Thị Hương	26	31	8.0	Tám	
29	Nguyễn Thị Thu Hương A-1985	27	02	7.0	Bảy	
30	Nguyễn Thị Thu Hương B-1984	28	26	8.0	Tám	
31	Lê Thị Huyền	29	22	8.0	Tám	
32	Trần Thị Huyền	30	35	7.0	Bảy	
33	Nguyễn Thị Lâm	31	07	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Thị Liên	32	16	7.0	Bảy	
35	Phạm Quang Lưu	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
36	Nguyễn Thị Mai	33	64	7.5	Bảy rưỡi	
37	Đồng Thị Mây	34	58	7.5	Bảy rưỡi	
38	Nguyễn Thị Na	35	45	7.5	Bảy rưỡi	
39	Dương Văn Nam	36	21	6.5	Sáu rưỡi	
40	Đặng Thị Phương Nga	37	39	7.0	Bảy	
41	Nguyễn Thị Bích Nga	38	29	8.0	Tám	
42	Nguyễn Thị Thanh Nga	39	37	7.5	Bảy rưỡi	
43	Đinh Thủy Nguyên	40	08	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nguyễn Chí Nhân	41	40	7.0	Bảy	
45	Dương Thị Trang Nhung	42	01	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Thị Hồng Nhung	43	17	7.0	Bảy	
47	Nguyễn Hoàng Phương	44	46	7.0	Bảy	
48	Trần Văn Quân	45	55	7.0	Bảy	
49	Luân Thị Quế	46	66	7.0	Bảy	
50	Nguyễn Thị Quyên	47	06	7.0	Bảy	
51	Nguyễn Thị Quỳnh	48	43	7.5	Bảy rưỡi	
52	Lê Minh Sơn	49	59	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
53	Lê Văn Thanh	50	33	7.0	Bảy	
54	Trần Phương Thanh	51	60	7.5	Bảy rưỡi	
55	Dương Văn Thao	52	53	6.5	Sáu rưỡi	
56	Nguyễn Thị Thắm	53	04	7.5	Bảy rưỡi	
57	Hà Đức Thịnh	54	49	7.0	Bảy	
58	Lê Xuân Thọ	55	42	7.0	Bảy	
59	Nguyễn Thị Hạnh Thu	56	52	7.0	Bảy	
60	Trần Văn Thu	57	19	7.0	Bảy	
61	Lưu Thị Thư	58	28	8.0	Tám	
62	Lê Thái Thục	59	61	7.5	Bảy rưỡi	
63	Trần Đình Thức	60	44	7.0	Bảy	
64	Đỗ Thị Thúy	61	68	7.0	Bảy	
65	Hà Thị Thu Trang	62	47	8.0	Tám	
66	Hoàng Minh Tuấn	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
67	Nguyễn Thị Anh Tuyết	63	10	7.5	Bảy rưỡi	
68	Dương Thị Tứ	64	38	7.0	Bảy	
69	Nguyễn Thị Vân	65	48	7.0	Bảy	
70	Bùi Văn Vinh	66	57	7.5	Bảy rưỡi	
71	Lý Thanh Xuân	67	36	7.5	Bảy rưỡi	
72	Tạ Hồng Xuân	68	41	7.0	Bảy	
73	Lưu Như Ý	69	54	7.0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Vân

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên